TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số: **130**/2023/QĐST-DS	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Chương Mỹ, ngày 15 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 117/2023/TLST–DS ngày 07 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B (Ngân hàng B)

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà HM , phường E, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật ông Ngô Quang T – Chức vụ Tổng Giám Đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc H – Chức vụ: GĐ TT quản lý và thu hồi nợ (Văn bản ủy quyền số 239/2021/UQ – PCTT ngày 01/06/2021 của Tổng Giám đốc về việc ủy quyền cho Giám đốc TTQL và Thu hồi nợ ký đại diện Ngân hàng TMCP B); Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Văn N, ông Vũ Đình D.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Viết C, sinh năm 1990

Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1992

Trú tại: Thôn V, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đỗ Viết T2, sinh năm 1957 (bố anh C)

3.2. Bà Hạ Thị L, sinh năm 1959 (mẹ đẻ anh C)

3.3. Chị Đỗ Thị L1, sinh năm 1983 (chị gái ruột anh C)

Cư trú tại: TDP T, TT X, huyện C, Hà Nội

3.4. Chị Đỗ Thị P, sinh năm 1985 (chị gái ruột anh C)

3.5. Chị Đỗ Thị T3, sinh năm 1987 (chị gái ruột anh C);

3.6. Anh Đỗ Viết C1, sinh năm 1993 (em trai ruột anh C);

3.7. Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1996 (vợ anh C1);

3.8. Cháu Đỗ Viết Q, sinh năm 2016 (con anh C1 – chị T4);

3.9. Cháu Đỗ Ngọc Minh A, sinh năm 2021 (con anh C1 – chị T4)

Cùng cư trú tại: Thôn V, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội

(Ông T2, bà L, chị T1, chị L1, chị P, chị T3, anh C1, chị T4 ủy quyền cho anh Đỗ Viết C; anh C1, chị T4 là người đại diện theo pháp luật của cháu Q, cháu A)

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về nghĩa vụ thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng:

Anh Đỗ Viết C, chị Nguyễn Thị T1 có vay nợ ngân hàng TMCP B

Hợp đồng tín dụng số: 0202200004400 và Giấy nhận nợ số 0202200004400001 ký ngày 11/5/2022. Số tiền giải ngân là 900.000.000 đồng

Quá trình thực hiện hợp đồng: anh Đỗ Viết C, chị Nguyễn Thị T1 đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền là: 85.803.202 đồng. Trong đó: trả nợ gốc 45.612.736 đồng, trả nợ lãi trong hạn: 39.710.250 đồng; trả lãi phạt chậm trả gốc: 480.266 đồng. Sau đó vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh C, chị T1 chưa trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP B.

Anh Đỗ Viết Chuyên, chị Nguyễn Thị T1 xác nhận nghĩa vụ còn nợ và có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm tính đến ngày 04/8/2023 là: 934.241.179 đồng. Cụ thể: Nợ gốc: 854.387.264 đồng; nợ lãi trong hạn: 73.007.475 đồng; nợ lãi phạt chậm trả gốc: 4.510.234 đồng; nợ phạt chậm trả lãi: 2.336.206 đồng.

Anh Đỗ Viết C, chị Nguyễn Thị T1 tiếp tục chịu lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp tín dụng đã ký kết kể từ ngày 05/8/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

***2. Về xử lý tài sản đảm bảo*:**

Kể từ ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực, nếu vợ chồng anh Đỗ Viết C, chị Nguyễn Thị T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản đảm bảo của khoản vay để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 109, tờ bản đồ số 08, tại địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện C, H (nay là thành phố Hà Nội). Giấy chứng nhận quyền sử dụng số U 402658 vào sổ cấp GCN số: 00773 QSDĐ/438 QĐ/UB do UBND huyện C, tỉnh Hà Tây cấp ngày 28/12/2001, cho Hộ ông Đỗ Viết T2, thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP B thông qua Hợp đồng thế chấp số công chứng 2366.2020/HĐTC tại Văn phòng Công Chứng Phan Xuân thành phố H chứng nhận ngày 11/5/2022.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì vợ chồng anh C, chị T1 phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP B.

3. Về án phí:

Anh Đỗ Viết C, chị Nguyễn Thị T1 tự nguyện nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp hòa giải thành là: 20.013.618 đồng.

Ngân hàng TMCP B được hoàn trả 24.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ *(Theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0076888 ngày 07/7/2023)*.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ ;
- Chi cục THADS H.Chương Mỹ;
- Lưu: HSVA, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Dũng